

CHÍNH PHỦ

Số: 53/2009/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH
Về phát hành trái phiếu quốc tế

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2005 về Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này điều chỉnh hoạt động vay, trả nợ nước ngoài thông qua hình thức phát hành trái phiếu ra thị trường tài chính quốc tế của Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bản cáo bạch: là tài liệu pháp lý bao gồm tài liệu hoặc số liệu công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng khoán của người phát hành và các điều khoản, điều kiện phát hành trái phiếu do Người phát hành cùng các tư vấn pháp lý soạn thảo. Bản cáo bạch sẽ được Người bảo lãnh phát hành cung cấp cho các nhà đầu tư tiềm năng và các đối tác cần thiết khác.

2. Các thỏa thuận đại lý: là các thỏa thuận được ký giữa Người phát hành và các đại lý về các điều kiện và điều khoản để thực hiện giao dịch từ khi phát hành đến khi hoàn tất việc thanh toán trái phiếu gồm:

a) Đại lý in ấn (Printer Agent): là công ty được lựa chọn để in ấn bản cáo bạch và các tài liệu liên quan khác;

b) Đại lý niêm yết (Listing Agent): là công ty được lựa chọn làm thủ tục đăng ký niêm yết trái phiếu của Người phát hành trên các thị trường chứng khoán thích hợp phù hợp với các qui định của nơi niêm yết;

c) Đại lý tài chính và thanh toán (Paying Agent): là ngân hàng được lựa chọn thay mặt cho Người phát hành thanh toán tiền lãi và gốc cho các nhà đầu tư và là đại lý nắm giữ danh sách các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu của đợt phát hành;

d) Đại lý chuyển nhượng (Transfer Agent): là tổ chức được Người phát hành chỉ định để duy trì các báo cáo về người sở hữu chứng khoán, để hủy và phát hành giấy chứng nhận, để xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc giấy chứng nhận bị mất, bị hư hỏng hoặc bị mất cắp;

đ) Đại lý ủy thác (Trustee): là công ty được các nhà đầu tư chỉ định trên trái phiếu làm người đại diện của các nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu có nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi của các người nắm giữ trái phiếu và bảo đảm việc tuân thủ các điều khoản của trái phiếu;

e) Tổ chức lưu ký và thanh toán bù trừ (Clearing systems and depository): là tổ chức theo dõi và xác nhận việc chuyển nhượng trái phiếu ở thị trường sơ cấp và thứ cấp. Các trái phiếu được phát hành theo hình thức ghi danh và được lưu giữ tại cơ quan lưu ký.

3. Công ty đánh giá hệ số tín nhiệm: là các công ty xếp hạng tín nhiệm cho quốc gia, doanh nghiệp.

4. Cơ quan cho vay lại: là Bộ Tài chính hoặc cơ quan, tổ chức được Bộ Tài chính ủy quyền thực hiện cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ, có trách nhiệm giám sát việc sử dụng vốn vay, thu hồi nợ cho vay lại và được hưởng phí cho vay lại theo quy định của pháp luật.

5. Doanh nghiệp Việt Nam (gọi tắt là doanh nghiệp): là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

6. Hình thức phát hành: trái phiếu quốc tế được phát hành theo nhiều hình thức khác nhau phụ thuộc tiêu chí phân loại, cụ thể:

a) Theo loại hình các nhà đầu tư gồm: (i) Phát hành riêng lẻ (private placement) dành cho các nhà đầu tư tiềm năng như các ngân hàng đầu tư, các quỹ tài chính, các quỹ bảo hiểm...; và (ii) Phát hành ra công chúng (public offering) dành cho mọi đối tượng các nhà đầu tư;

b) Theo phạm vi phát hành được chia thành:

(i) Phát hành toàn cầu (global offering);

(ii) Phát hành riêng trong từng quốc gia, từng khu vực địa lý nhất định.

c) Theo loại tiền có thể phát hành bằng các đồng tiền có khả năng chuyển đổi khác nhau như đồng đô la Mỹ, đồng Euro, đồng Yên Nhật Bản...

7. Hệ số tín nhiệm (credit rating): là hệ số mà các công ty đánh giá hệ số tín nhiệm quốc tế xác định để đánh giá mức độ tin cậy của các quốc gia (hệ số tín nhiệm quốc gia) hoặc của các doanh nghiệp (hệ số tín nhiệm công ty) về mức độ rủi ro đầu tư và khả năng hoàn trả các khoản vay. Hệ số này được dùng làm căn cứ để xác định chi phí đối với việc huy động các khoản vay.

8. Hợp đồng bảo lãnh phát hành hoặc hợp đồng mua bán trái phiếu: là thoả thuận ký giữa Người phát hành và tổ hợp các ngân hàng bảo lãnh phát hành về các điều khoản, điều kiện để thực hiện bảo lãnh hoặc thực phát hành của từng đợt phát hành hoặc chương trình phát hành.

9. Hợp đồng Tư vấn pháp lý: là thoả thuận được ký giữa Người phát hành và tổ hợp các ngân hàng bảo lãnh với một hoặc nhiều công ty luật về việc cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý trong nước hoặc quốc tế.

10. Lãi suất danh nghĩa: là lãi suất được ghi trên trái phiếu (được xác định khi phát hành trái phiếu. Người phát hành sẽ trả lãi trên mệnh giá của trái phiếu theo lãi suất này).

11. Ngày phát hành (issue date): là ngày trái phiếu được phát hành ra thị trường.

12. Người bảo lãnh chính/quản lý sổ đăng ký đầu tư chính (Lead Managing Bookrunner): là một hoặc một nhóm các ngân hàng đầu tư quốc tế có uy tín trên thị trường tài chính quốc tế được Người phát hành lựa chọn để thực hiện giao dịch và có vai trò chủ yếu trong việc phân phối trái phiếu. Người bảo lãnh chính/quản lý sổ đăng ký đầu tư chính có vai trò tư vấn cơ cấu phát hành tối ưu, đưa ra mức giá tham khảo, thời gian phát hành thích hợp, phối hợp với tất cả các bên liên quan để tạo một động lực tốt cho giao dịch.

13. Người phát hành (Issuer): là Chính phủ, doanh nghiệp, các ngân hàng, các tổ chức tài chính thực hiện huy động vốn trên thị trường tài chính thông qua hình thức phát hành trái phiếu.

14. Người vay lại: là doanh nghiệp vay lại nguồn vốn trái phiếu quốc tế.

15. Tổ hợp các ngân hàng bảo lãnh phát hành: gồm tập hợp các ngân hàng đầu tư quốc tế được Người phát hành lựa chọn tham gia quá trình bảo lãnh phát hành trái phiếu quốc tế. Tổ hợp này có thể được chia thành nhiều cấp tùy thuộc vào yêu cầu cụ thể của từng đợt phát hành:

a) Vị trí cấp một gồm Người bảo lãnh chính/quản lý sổ đăng ký đầu tư chính (Lead Managing Bookrunner) vai trò chủ yếu trong việc phân phối bán trái phiếu và cùng phối hợp với Người phát hành nâng cao hình ảnh quốc gia và hình ảnh doanh nghiệp và tiếp tục hỗ trợ về thanh khoản sau phát hành;

b) Vị trí cấp hai gồm người quản lý chính (Lead Manager) hoặc đồng quản lý chính (Co-lead Managers) có vai trò hạn chế trong việc phân bổ khối lượng bán trái phiếu và;

c) Vị trí cấp ba gồm người quản lý (Manager) hoặc đồng quản lý (Co-Manager) có vai trò thấp nhất trong tổ hợp các ngân hàng bảo lãnh phát hành.

16. Trái phiếu quốc tế: là chứng chỉ vay nợ có mệnh giá, có thời hạn, có lãi, do Chính phủ hoặc các doanh nghiệp của Việt Nam phát hành để vay vốn trên thị trường tài chính quốc tế phục vụ cho nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế.

Trái phiếu quốc tế được điều chỉnh trong Nghị định này gồm:

a) Trái phiếu Chính phủ: là trái phiếu quốc tế do Chính phủ uỷ quyền cho Bộ Tài chính phát hành.

b) Trái phiếu doanh nghiệp: là trái phiếu quốc tế do các doanh nghiệp Việt Nam tự phát hành có hoặc không có bảo lãnh Chính phủ.

17. Tư vấn pháp lý quốc tế cho Người bảo lãnh chính: là công ty luật quốc tế được lựa chọn làm tư vấn cho Người bảo lãnh phát hành về các quy định, luật quốc tế.

18. Tư vấn pháp lý trong nước cho Người bảo lãnh: là công ty luật có hiện diện tại nước sở tại được lựa chọn làm tư vấn cho Người bảo lãnh phát hành về các quy định pháp lý liên quan phù hợp với luật pháp trong nước.

19. Tư vấn pháp lý quốc tế cho Người phát hành: là công ty luật quốc tế được lựa chọn chịu trách nhiệm tư vấn cho Người phát hành về các quy định theo luật quốc tế, soạn thảo bản cáo bạch, ý kiến pháp lý cho đợt phát hành.

20. Tư vấn pháp lý trong nước cho Người phát hành: là tổ chức được lựa chọn làm tư vấn cho Người phát hành về luật pháp trong nước.

21. Ý kiến pháp lý: là văn bản pháp lý do Bộ Tư pháp hoặc công ty luật độc lập phát hành phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ tài chính, tín dụng quốc tế về các căn cứ pháp luật của các giao dịch thương mại, đầu tư, tài chính, ngân hàng được thực hiện trên cơ sở pháp luật Việt Nam, các điều ước, các thoả thuận quốc tế, các hợp đồng có yếu tố nước ngoài và các văn bản pháp lý khác.

Điều 3. Đề án phát hành trái phiếu

1. Đề án phát hành trái phiếu là tài liệu do Người phát hành chuẩn bị để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đề án phát hành bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích phát hành và mục đích sử dụng vốn phát hành;

b) Các căn cứ pháp lý để phát hành (Quyết định phê duyệt chiến lược phát triển, Quyết định phê duyệt đầu tư của cấp có thẩm quyền...);

c) Dự kiến khối lượng, cơ cấu, thời hạn trái phiếu, loại tiền phát hành và hình thức phát hành;

d) Phân tích điều kiện thị trường quốc tế để xác định lãi suất dự kiến cho trái phiếu phát hành;

đ) Dự kiến phương thức lựa chọn tổ hợp bảo lãnh phát hành, tư vấn pháp lý, các đại lý liên quan và kế hoạch phát hành;

e) Phương án sử dụng nguồn vốn, quản lý dòng tiền và xử lý các rủi ro tài chính, phương án thanh toán nợ trái phiếu.

Điều 4. Hồ sơ phát hành

1. Hồ sơ phát hành là các tài liệu pháp lý do Người phát hành phối hợp cùng Người bảo lãnh chính, các tư vấn pháp lý chuẩn bị theo quy định của luật pháp quốc tế.

2. Hồ sơ phát hành bao gồm các tài liệu cơ bản sau:

a) Bản cáo bạch;

b) Hợp đồng bảo lãnh phát hành;

c) Hợp đồng mua bán trái phiếu;

d) Hợp đồng tư vấn pháp lý;

đ) Ý kiến pháp lý;

e) Các thoả thuận đại lý.

Điều 5. Nguyên tắc phát hành

1. Chính phủ chỉ phát hành trái phiếu quốc tế để huy động vốn đầu tư cho các công trình trọng điểm của quốc gia, các dự án đầu tư có hiệu quả, có khả năng trả nợ. Việc phát hành trái phiếu để cơ cấu lại danh mục nợ cần có phương án rõ ràng, bảo đảm hiệu quả hơn so với danh mục nợ hiện tại.

2. Việc phát hành chỉ thực hiện khi điều kiện thị trường quốc tế thuận lợi, bảo đảm thành công với chi phí hợp lý.

3. Các doanh nghiệp trực tiếp phát hành trái phiếu quốc tế phải tuân thủ nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn huy động được từ phát hành.

4. Việc phát hành phải tuân thủ các quy định về quản lý nợ nước ngoài, quản lý ngoại hối theo pháp luật hiện hành và phù hợp với luật pháp quốc tế.

Điều 6. Điều kiện phát hành

Trái phiếu quốc tế chỉ được phát hành khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có đề án phát hành trái phiếu được các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

Đối với trường hợp phát hành trái phiếu Chính phủ, đề án phát hành phải được Chính phủ phê duyệt, bao gồm cả phát hành trái phiếu để cơ cấu lại danh mục nợ của Chính phủ.

Đối với các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước, đề án phát hành trái phiếu phải được Hội đồng quản trị thông qua và phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận về chủ trương.

Đối với các đề án phát hành trái phiếu của các công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, đề án phát hành phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên, đại diện chủ sở hữu vốn thông qua.

2. Trị giá phát hành trái phiếu quốc tế phải nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm.

3. Các chương trình, dự án được xác định là trọng điểm quốc gia hoặc các dự án đầu tư được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định là có hiệu quả, đã hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Đối với các trường hợp phát hành theo các hình thức trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu bảo đảm bằng các hình thức khác nhau cần tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế về hệ số tín nhiệm để phát hành (trong trường hợp phát hành cần có hệ số tín nhiệm).

6. Người phát hành đã hoàn chỉnh toàn bộ hồ sơ phát hành theo đúng luật pháp nước ngoài áp dụng cho từng đợt phát hành, cho từng loại hình phát hành và luật pháp Việt Nam.

Điều 7. Tổ chức phát hành

1. Việc tổ chức phát hành trái phiếu quốc tế chỉ được thực hiện khi đề án phát hành trái phiếu quốc tế đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Trình tự tổ chức phát hành có thể bao gồm các bước sau đây:

a) Lựa chọn tổ hợp các ngân hàng bảo lãnh phát hành: Người phát hành lựa chọn một số ngân hàng đầu tư quốc tế hàng đầu trên thế giới, có kinh nghiệm trong lĩnh vực phát hành trái phiếu làm tổ hợp ngân hàng bảo lãnh phát hành cho đợt phát hành trên cơ sở chào thầu cạnh tranh theo các tiêu chí cụ thể và danh sách các ngân hàng do các tạp chí uy tín quốc tế (như Tạp chí tài chính International Financial Review) bình chọn;

b) Lựa chọn các tư vấn pháp lý: Người phát hành phối hợp với tổ hợp các ngân hàng bảo lãnh lựa chọn các công ty luật có uy tín và kinh nghiệm trong và ngoài nước làm tư vấn pháp lý trong nước, tư vấn pháp lý quốc tế cho Người phát hành và Người bảo lãnh phát hành;

Riêng tư vấn pháp lý trong nước cho Người phát hành phụ thuộc vào hình thức trái phiếu, cụ thể:

- Đối với trái phiếu Chính phủ: là Bộ Tư pháp do Chính phủ uỷ quyền tư vấn cho Người phát hành về các quy định pháp lý liên quan đến giao dịch phát hành và là người đưa ra ý kiến pháp lý cho giao dịch;

- Đối với trái phiếu doanh nghiệp: là công ty luật có đầy đủ năng lực pháp lý được lựa chọn làm tư vấn về các quy định liên quan đến giao dịch phát hành và là người đưa ra ý kiến pháp lý cho giao dịch.

c) Hoàn thiện hồ sơ phát hành: người phát hành chủ trì, phối hợp với tư vấn pháp lý trong nước đàm phán, ký kết các hợp đồng với tổ hợp các ngân hàng bảo lãnh, các tư vấn pháp lý quốc tế và chuẩn bị các tài liệu trong hồ sơ phát hành trong đó bao gồm các tài liệu pháp lý liên quan nêu tại Điều 4 Nghị định này, phù hợp với thông lệ quốc tế và luật pháp của Việt Nam;

d) Đánh giá hệ số tín nhiệm: người phát hành chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan của Việt Nam tổ chức làm việc với các cơ quan đánh giá hệ số tín nhiệm để xác nhận hệ số tín nhiệm quốc gia trước đợt phát hành (trong trường hợp phát hành trái phiếu Chính phủ). Đối với doanh nghiệp, việc xác định hệ số tín nhiệm tùy thuộc vào yêu cầu của từng đợt phát hành.

đ) Tổ chức quảng bá và thực hiện phát hành: việc tổ chức quảng bá chào bán trái phiếu do Người phát hành thực hiện tùy thuộc yêu cầu của từng hình thức phát hành, cụ thể:

- Người phát hành phối hợp với tổ hợp các ngân hàng bảo lãnh phát hành tổ chức chiến dịch quảng bá trái phiếu tại các trung tâm tài chính lớn trên thế giới để tiếp xúc với cộng đồng các nhà đầu tư quốc tế trước khi thực hiện việc định giá để phát hành trái phiếu;

- Người phát hành quyết định các điều kiện, lãi suất danh nghĩa (lãi suất coupon), các điều khoản phát hành trái phiếu trong quá trình định giá trái phiếu trên cơ sở tư vấn của tổ hợp các ngân hàng bảo lãnh phát hành, phù hợp với điều kiện thị trường và các nguyên tắc nêu tại đề án phát hành đã được phê duyệt;

- Người phát hành tổ chức việc tiếp nhận nguồn vốn trái phiếu đã phát hành theo đúng các thoả thuận đã ký.

e) Hoàn tất giao dịch phát hành: sau khi nhận tiền bán trái phiếu, Người phát hành hoàn tất và ký kết các văn bản pháp lý kết thúc giao dịch phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời báo cáo kết quả phát hành theo các quy định hiện hành.

Điều 8. Nguyên tắc cấp bảo lãnh chính phủ cho trái phiếu doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp có nhu cầu cấp bách về vốn để thực hiện các dự án đầu tư của Nhà nước nhưng chưa đủ điều kiện để tự phát hành có thể phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường vốn quốc tế có sự bảo lãnh Chính phủ.

2. Việc phát hành trái phiếu có sự bảo lãnh của Chính phủ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các điều kiện nêu tại Điều 6 Nghị định này và đề án phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;

b) Có hệ số tín nhiệm bằng hoặc thấp hơn một bậc so với hệ số tín nhiệm của quốc gia;

c) Có báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập của ba năm gần nhất trong đó doanh nghiệp không bị lỗ và không có các khoản nợ quá hạn;

d) Tuân thủ các quy định của Quy chế cấp và quản lý bảo lãnh hiện hành của Chính phủ đối với các khoản vay nước ngoài.

Chương II

PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Điều 9. Mục đích phát hành

Trái phiếu Chính phủ được phát hành với mục đích:

1. Huy động nguồn vốn cho đầu tư phát triển theo hình thức cho vay lại để thực hiện các công trình trọng điểm của Nhà nước, các dự án đầu tư có hiệu quả cao, có nhu cầu sử dụng vốn bằng ngoại tệ.
2. Huy động nguồn vốn để thực hiện việc cơ cấu lại danh mục nợ do Chính phủ quản lý.

Điều 10. Xây dựng đề án phát hành trái phiếu

1. Bộ Tài chính chủ trì xây dựng đề án phát hành trái phiếu quốc tế trình Chính phủ phê duyệt và ban hành Nghị quyết cho từng đợt phát hành.
2. Trị giá tương đương của mỗi đợt phát hành không dưới 500 triệu USD.
3. Đối với trái phiếu Chính phủ phát hành với mục đích cho vay lại, các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu quốc tế cần gửi cho Bộ Tài chính đầy đủ tài liệu, hồ sơ về các chương trình, dự án đầu tư dự kiến thực hiện, phương án sử dụng vốn, quản lý dòng tiền và phương án trả nợ để Bộ Tài chính thẩm định và làm căn cứ xây dựng đề án phát hành trái phiếu quốc tế báo cáo Chính phủ phê duyệt.
4. Ngoài các nội dung cơ bản quy định tại Điều 3 Nghị định này trong đề án phát hành trái phiếu quốc tế phải phân tích các chỉ số nợ quốc gia khi vay trái phiếu quốc tế, bảo đảm các chỉ số này vẫn trong hạn mức vay nợ được Chính phủ phê duyệt.
5. Phương án sử dụng vốn cho các doanh nghiệp vay lại trong đề án phát hành trái phiếu quốc tế thực hiện theo Quy chế quản lý nguồn vốn trái phiếu quốc tế do Bộ Tài chính ban hành đối với từng đợt phát hành.

Điều 11. Tổ chức phát hành

Bộ Tài chính phối hợp với tổ hợp các ngân hàng bảo lãnh phát hành và các tư vấn trong nước và ngoài nước tiến hành thực hiện phát hành theo quy trình cụ thể nêu tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 12. Quản lý nguồn vốn và chi phí phát hành

1. Tiền bán trái phiếu Chính phủ được phân bổ sử dụng theo đề án phát hành đã được phê duyệt và tuân thủ theo các quy định tại Luật Ngân sách nhà nước hiện hành và Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ.

2. Toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến đợt phát hành:

a) Đối với trường hợp sử dụng cơ cấu lại danh mục nợ Chính phủ do ngân sách nhà nước chịu;

b) Đối với trường hợp cho vay lại, toàn bộ chi phí do Người vay lại chịu và chi phí này được phân bổ theo tỷ trọng nguồn vốn vay lại cho từng doanh nghiệp vay. Ngân sách nhà nước tạm ứng các khoản chi phí trong quá trình chuẩn bị phát hành và được hoàn trả bằng cách khấu trừ trực tiếp vào số tiền được phân bổ từ nguồn vốn trái phiếu trước khi chuyển cho người vay lại.

Đối với các khoản phí phát sinh thường niên, ngân sách nhà nước tạm ứng để thanh toán và phân bổ theo tỷ trọng sử dụng vốn. Người vay lại hoàn trả cho ngân sách nhà nước theo thông báo của Bộ Tài chính.

3. Các khoản chi phí liên quan đến đợt phát hành bao gồm:

a) Những khoản chi phí phát sinh một lần:

- Phí tư vấn bảo lãnh phát hành;

- Phí tư vấn pháp lý trong nước và ngoài nước cho Người phát hành và Người bảo lãnh phát hành;

- Phí xác nhận hệ số tín nhiệm trả cho các công ty đánh giá hệ số tín nhiệm cho từng đợt phát hành (không bao gồm phí thường niên phải trả cho các công ty đánh giá hệ số tín nhiệm quốc gia do Bộ Tài chính trả hàng năm);

- Phí trả cho các đại lý niêm yết, in ấn...;

- Các chi phí trong nước liên quan đến quá trình chuẩn bị phát hành, quảng bá chào bán trái phiếu và các khoản chi phí thực tế khác.

b) Các khoản phí thường niên: là các khoản phí phải trả hàng năm cho đại lý tài chính và thanh toán, đại lý chuyển nhượng và sở giao dịch chứng khoán nơi trái phiếu được niêm yết theo các thoả thuận đại lý đã ký kết;

c) Các chi phí khác liên quan đến việc phát hành, trả nợ trái phiếu.

4. Quản lý, giám sát việc sử dụng nguồn vốn phát hành: Bộ Tài chính chịu trách nhiệm ban hành Quy chế sử dụng và giám sát sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu Chính phủ cho từng đợt phát hành để hướng dẫn các đơn vị liên quan thực hiện.

Điều 13. Thanh toán gốc và lãi trái phiếu

1. Trường hợp sử dụng nguồn vốn phát hành để cơ cấu lại các khoản nợ chính phủ: khi đến hạn thanh toán, Bộ Tài chính trực tiếp chuyển tiền từ ngân sách vào tài khoản của đại lý thanh toán để thanh toán cho các người sở hữu trái phiếu.

2. Trường hợp cho vay lại, khi đến hạn thanh toán gốc, lãi, Người vay lại trả trực tiếp vào tài khoản của đại lý thanh toán hoặc chuyển trả vào tài khoản của Bộ Tài chính theo quy định cụ thể tại các hợp đồng cho vay lại để chuyển tiền cho đại lý thanh toán thực hiện chi trả cho người sở hữu trái phiếu.

Điều 14. Thực hiện các nghiệp vụ tài chính

Căn cứ vào điều kiện thực tế trên thị trường, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ các phương án sử dụng các công cụ tài chính để mua lại, hoán đổi đối với các trái phiếu đã phát hành và đang giao dịch trên thị trường vốn quốc tế, kể cả các khoản vay khác với mục tiêu cơ cấu lại danh mục Chính phủ nhằm giảm thiểu rủi ro và giảm nhẹ gánh nặng nợ cho ngân sách.

Điều 15. Cập nhật thông tin

Bộ Tài chính có trách nhiệm theo dõi giao dịch của các trái phiếu trên thị trường và phối hợp với các đơn vị liên quan cung cấp các thông tin cập nhật về tình hình kinh tế Việt Nam, tình hình của doanh nghiệp cho các đối tác và các nhà đầu tư nước ngoài theo thông lệ quốc tế sau khi phát hành.

Chương III PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Điều 16. Các hình thức trái phiếu doanh nghiệp

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra thị trường vốn quốc tế có các hình thức sau:

1. Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh Chính phủ: là trái phiếu doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh hoặc kết hợp giữa bảo lãnh Chính phủ và các hình thức bảo đảm khác.

2. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh Chính phủ: là trái phiếu do các doanh nghiệp tự phát hành, kể cả khi được một bên thứ ba bảo lãnh, nhưng không phải là Chính phủ.

Điều 17. Điều kiện được phát hành

Doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế phải đảm bảo các điều kiện:

1. Được thành lập theo luật pháp Việt Nam và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Đáp ứng đủ các điều kiện nêu tại Điều 6 Nghị định này. Riêng đối với các doanh nghiệp nhà nước, nếu phát hành trái phiếu quốc tế không có bảo lãnh Chính phủ phải có hệ số tín nhiệm bằng hoặc cao hơn hệ số tín nhiệm quốc gia (nếu đợt phát hành cần có hệ số tín nhiệm).

3. Đối với các doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế có bảo lãnh Chính phủ cần phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định này.

4. Trị giá tương đương của mỗi đợt phát hành đối với trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh Chính phủ không dưới tương đương 100 triệu USD.

Điều 18. Xây dựng đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Các doanh nghiệp chịu trách nhiệm xây dựng đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo các nội dung quy định tại Điều 3 Nghị định này gửi cơ quan chủ quản cấp trên, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên phê duyệt.

Điều 19. Thẩm định đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp

1. Đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu có bảo lãnh Chính phủ:

a) Doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp, trình cơ quan chủ quản hoặc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phê duyệt và gửi cho Bộ Tài chính bộ hồ sơ để thẩm định. Hồ sơ bao gồm:

- Đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Quyết định phê duyệt đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền (bản sao);

- Báo cáo nghiên cứu khả thi và quyết định đầu tư của các dự án liên quan tới đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp (bản sao);

- Xác nhận của công ty đánh giá hệ số tín nhiệm công bố hệ số tín nhiệm của Người phát hành (bản sao) nếu đợt phát hành cần có hệ số tín nhiệm.

b) Sau khi nhận được đủ hồ sơ đề nghị được phát hành của doanh nghiệp, Bộ Tài chính sẽ chủ trì thẩm định theo các nội dung sau:

(i) Mục đích phát hành: trên cơ sở các dự án được nêu trong đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp, tiến hành thẩm định nhu cầu vốn của các dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn trái phiếu doanh nghiệp, xem xét tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành trong 3 năm gần nhất. Nếu việc phát hành có liên quan tới nhiều dự án khác nhau, việc thẩm định sẽ tiến hành trên cơ sở nhu cầu sử dụng vốn và tình hình tài chính của từng đơn vị sử dụng nguồn vốn trái phiếu quốc tế.

(ii) Các thủ tục liên quan của các dự án sử dụng nguồn vốn trái phiếu quốc tế: các dự án dự kiến sử dụng nguồn tiền từ phát hành trái phiếu doanh nghiệp phải là các dự án đã hoàn thành các thủ tục đầu tư trong nước và có quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

(iii) Xác định nhu cầu vốn phát hành: trên cơ sở thẩm định nhu cầu vốn của dự án nêu tại đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp, thẩm định tổng mức dự kiến phát hành phù hợp với nhu cầu của đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp, khả năng trả nợ của Người phát hành và nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia hàng năm.

(iv) Thời điểm phát hành;

(v) Đánh giá tình hình thị trường trong nước và quốc tế;

(vi) Xác định hình thức, loại tiền và thị trường phát hành;

(vii) Phương án sử dụng dòng tiền và phương án hoàn trả nợ, xác định mức độ rủi ro của toàn bộ phương án sử dụng tiền phát hành.

2. Đối với các doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước phát hành trái phiếu không có bảo lãnh Chính phủ:

Việc thẩm định đề án phát hành trái phiếu quốc tế do các doanh nghiệp thực hiện theo Điều lệ về tổ chức và hoạt động và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Phê duyệt đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp

1. Đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu có bảo lãnh Chính phủ:

Sau khi thẩm định đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp và lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo thẩm định đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp đồng thời kiến nghị về khả năng phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường vốn quốc tế để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Đối với các doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước phát hành trái phiếu không có bảo lãnh Chính phủ:

a) Việc phê duyệt đề án phát hành trái phiếu quốc tế do các doanh nghiệp thực hiện theo Điều lệ về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật;

b) Sau khi đề án phát hành trái phiếu được phê duyệt, doanh nghiệp phát hành gửi đề án cho Ngân hàng Nhà nước để xác nhận về việc khoản vay nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề án phát hành trái phiếu, Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra tính hợp lệ của khoản vay so với tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia và thông báo cho doanh nghiệp xác nhận trị giá phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia, đồng thời gửi một bản cho Bộ Tài chính để theo dõi;

c) Sau khi thực hiện phát hành, trong thời gian thanh toán tiền bán trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đăng ký khoản vay trước ngày kết thúc giao dịch (closing date) tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Cấp bảo lãnh Chính phủ cho trái phiếu doanh nghiệp

1. Sau khi đề án phát hành trái phiếu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và cho phép cấp bảo lãnh, Bộ Tài chính chủ trì với các cơ quan liên quan đàm phán và thoả thuận với các đối tác nội dung thư bảo lãnh.

2. Việc cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ cho trái phiếu doanh nghiệp do Bộ Tài chính thực hiện theo các quy định hiện hành như đối với các khoản vay nước ngoài khác có bảo lãnh Chính phủ.

3. Phí bảo lãnh, tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm và các quy định khác thực hiện theo các quy định tại Quy chế cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ hiện hành.

Điều 22. Tổ chức phát hành

1. Sau khi đề án phát hành trái phiếu được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 19 Nghị định này, các doanh nghiệp triển khai việc chuẩn bị và thực hiện việc phát hành theo trình tự nêu tại Điều 7 Nghị định này với tư cách là Người phát hành.

2. Sau khi phát hành, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm báo cáo kết quả phát hành cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đợt phát hành và Bộ Tài chính.

Điều 23. Sử dụng tiền phát hành

1. Doanh nghiệp phát hành chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc sử dụng đúng mục đích và hiệu quả nguồn vốn từ phát hành, bảo đảm thực hiện đúng các quy định hiện hành về ngoại hối của Nhà nước.

2. Đối với các trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh Chính phủ, Bộ Tài chính thực hiện việc giám sát sử dụng vốn theo các quy định tại Quy chế cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ hiện hành.

Điều 24. Thanh toán gốc và lãi trái phiếu doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp phát hành chuyển tiền trực tiếp cho đại lý thanh toán theo thoả thuận đã ký để thanh toán gốc và lãi trái phiếu doanh nghiệp cho chủ sở hữu trái phiếu khi đến hạn.

2. Đối với trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh Chính phủ, trong bất kỳ trường hợp nào nếu doanh nghiệp phát hành chưa thu xếp thanh toán toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ phải thanh toán, doanh nghiệp phát hành phải báo cáo cơ quan cấp bảo lãnh ít nhất 45 ngày trước khi đến hạn lãi hoặc 90 ngày trước khi đến hạn nợ gốc để có biện pháp xử lý.

3. Doanh nghiệp phát hành thực hiện việc mở và sử dụng tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài để thực hiện nhận tiền phát hành trái phiếu, thực hiện trả gốc, lãi trái phiếu theo quy định của Pháp lệnh Quản lý ngoại hối và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, xây dựng đề án phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường vốn quốc tế, lập kế hoạch sử dụng nguồn vốn phát hành trình Chính phủ quyết định.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan làm việc với các cơ quan xếp hạng hệ số tín nhiệm quốc gia.

3. Lựa chọn và ký kết các hợp đồng với các đối tác nước ngoài có liên quan đến việc phát hành trái phiếu Chính phủ sau khi được Chính phủ đồng ý.

4. Hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý cho việc phát hành, chủ trì tổ chức việc phát hành và thực hiện cho vay lại nguồn vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế.

5. Lựa chọn cơ quan cho vay lại và thực hiện cho vay lại nguồn vốn trái phiếu quốc tế theo Quy chế cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ hiện hành.

6. Giám sát việc sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả vốn vay từ phát hành trái phiếu Chính phủ, thực hiện thu hồi vốn từ Người vay lại nguồn vốn này. Bố trí kế hoạch và thực hiện thanh toán nợ trái phiếu quốc tế đúng hạn cả gốc, lãi và các khoản chi phí liên quan.

7. Theo dõi sự biến động của giá trái phiếu Chính phủ đang được niêm yết trên thị trường vốn quốc tế, phân tích, đánh giá các điều kiện trên thị trường và thực hiện việc cơ cấu lại nợ trái phiếu Chính phủ khi điều kiện thuận lợi.

8. Chủ trì thẩm định đề án phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp nhà nước và đề án phát hành trái phiếu có bảo lãnh Chính phủ.

9. Hướng dẫn các doanh nghiệp phát hành trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh Chính phủ trong việc xác định hệ số tín nhiệm, chuẩn bị và Người phát hành; kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay có hiệu quả và đúng mục đích theo đề án phát hành trái phiếu đã được duyệt, bảo đảm khả năng thu hồi vốn để thanh toán nợ trái phiếu.

10. Làm đầu mối cung cấp các thông tin cho các đối tác nước ngoài theo quy định trong các thoả thuận đã ký khi phát hành trái phiếu quốc tế.

11. Tổ chức hạch toán qua ngân sách nhà nước khoản tiền phát hành trái phiếu Chính phủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

12. Ban hành Quy chế về trình tự, thủ tục liên quan đến quy trình phát hành trái phiếu quốc tế.

Điều 26. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước

1. Phối hợp với Bộ Tài chính trong tất cả các khâu chuẩn bị và thực hiện việc phát hành trái phiếu Chính phủ theo đúng thông lệ quốc tế và phù hợp với pháp luật Việt Nam.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan cung cấp số liệu, tài liệu để kiểm chứng khi xây dựng bản cáo bạch trong quá trình chuẩn bị phát hành trái phiếu Chính phủ.

3. Cung cấp các số liệu, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Bộ Tài chính và phối hợp làm việc với các cơ quan đánh giá hệ số tín nhiệm quốc gia.

4. Tổ chức đăng ký khoản vay của các doanh nghiệp phát hành theo phương thức tự vay tự trả.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc lập và thẩm định đề án phát hành trái phiếu Chính phủ.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan cung cấp số liệu, tài liệu để kiểm chứng khi xây dựng bản cáo bạch trong quá trình chuẩn bị phát hành trái phiếu Chính phủ.

3. Cung cấp cho Bộ Tài chính các số liệu liên quan đến lĩnh vực quản lý và làm việc với các cơ quan xếp hạng hệ số tín nhiệm.

4. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc đánh giá các chỉ số nợ quốc gia liên quan đến việc phát hành trái phiếu quốc tế.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Thực hiện vai trò tư vấn pháp lý trong nước cho Người phát hành đối với các đợt phát hành trái phiếu Chính phủ.

2. Tham gia ý kiến về những vấn đề pháp lý trong các hợp đồng bảo lãnh phát hành, các hợp đồng pháp lý khác liên quan đến việc phát hành trái phiếu Chính phủ, các thoả thuận về bảo lãnh Chính phủ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

3. Thẩm định những vấn đề khác nhau giữa các thoả thuận về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp với pháp luật trong nước và theo dõi việc xử lý các vấn đề này trong quá trình thực hiện các thoả thuận này.

4. Cấp ý kiến pháp lý đối với các thoả thuận phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh và cấp ý kiến pháp lý về tư cách pháp lý của Người phát hành và của cơ quan bảo lãnh theo đề nghị của các cơ quan này.

Điều 29. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan khác

1. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc cung cấp số liệu định kỳ hoặc đột xuất để phục vụ cho việc đánh giá hệ số tín nhiệm quốc gia, hệ số tín nhiệm của doanh nghiệp và cùng làm việc với các cơ quan đánh giá hệ số tín nhiệm;

2. Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp trong việc cung cấp các số liệu, thông tin cần thiết để xây dựng Bản cáo bạch, soạn thảo ý kiến pháp lý và tham gia các buổi kiểm chứng số liệu cùng với tổ hợp các ngân hàng bảo lãnh và các đơn vị liên quan tới đợt phát hành.

Điều 30. Trách nhiệm của các doanh nghiệp vay lại nguồn vốn phát hành trái phiếu Chính phủ

1. Tuân thủ các quy định theo Quy chế cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ hiện hành.

2. Cung cấp đầy đủ các tài liệu hồ sơ về các dự án đầu tư dự kiến sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế cho Bộ Tài chính để thẩm định và xây dựng đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

3. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng nguồn tiền phát hành trái phiếu Chính phủ theo đúng mục tiêu mà Chính phủ đã phê duyệt. Mọi hành vi sử dụng sai mục đích hoặc không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Cam kết và có trách nhiệm hoàn trả kịp thời và đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho Bộ Tài chính theo đúng các thoả thuận của hợp đồng cho vay lại.

5. Duy trì các sổ sách kế toán, các báo cáo tài chính và các tài liệu chứng từ phù hợp về việc rút vốn và sử dụng khoản vay lại và định kỳ gửi các báo cáo quý, năm cho Bộ Tài chính.

6. Định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính, doanh nghiệp vay lại phải gửi báo cáo đánh giá và cung cấp tài liệu giải trình liên quan đến hiệu quả sử dụng khoản vốn vay lại từ nguồn tiền phát hành trái phiếu Chính phủ.

Điều 31. Trách nhiệm của các doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh phát hành hoặc trực tiếp phát hành trái phiếu quốc tế

1. Các doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh phát hành trái phiếu quốc tế có trách nhiệm thực hiện các quy định của Quy chế cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ hiện hành;

2. Các doanh nghiệp trực tiếp phát hành trái phiếu quốc tế (có hoặc không có bảo lãnh Chính phủ) hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng nguồn tiền từ phát hành, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của trái phiếu quốc tế, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về vay và trả nợ nước ngoài và về quản lý ngoại hối.

3. Tất cả các doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế dưới mọi hình thức thực hiện các quy định về báo cáo theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

Chương V

HẠCH TOÁN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 32. Hạch toán

1. Đối với trái phiếu Chính phủ, việc hạch toán khoản tiền bán trái phiếu Chính phủ được thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Các doanh nghiệp vay lại trái phiếu quốc tế của Chính phủ và các doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm thực hiện chế độ kế toán, quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 33. Báo cáo

1. Định kỳ hàng quý, hàng năm doanh nghiệp phát hành trái phiếu có bảo lãnh Chính phủ hoặc vay lại nguồn trái phiếu quốc tế của Chính phủ có trách nhiệm báo cáo tình hình bố trí, sử dụng vốn trái phiếu và trả nợ gửi cho Bộ Tài chính theo đúng các quy định tại Quy chế cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và Quy chế sử dụng và giám sát sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu Chính phủ.

2. Thời hạn báo cáo là ngày cuối cùng của tháng đầu quý tiếp theo đối với báo cáo quý và trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

3. Các doanh nghiệp phát hành không có bảo lãnh Chính phủ thực hiện báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

Điều 34. Kiểm tra và giám sát

Bộ Tài chính, cơ quan cho vay lại nguồn vốn trái phiếu quốc tế của Chính phủ, cơ quan cấp bảo lãnh Chính phủ thực hiện việc theo dõi, giám sát việc sử dụng vốn của các dự án vay lại nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và của các doanh nghiệp phát hành có bảo lãnh Chính phủ, bảo đảm việc sử dụng vốn đúng mục đích, thu hồi và thanh toán trái phiếu quốc tế theo đúng quy định tại Quy chế cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, Quy chế cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ hiện hành và Quy chế sử dụng và giám sát sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu quốc tế cho từng đợt do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 35. Kiểm toán khoản vay

Kết thúc năm tài chính, các doanh nghiệp phát hành được bảo lãnh Chính phủ hoặc vay lại nguồn vốn trái phiếu quốc tế của Chính phủ lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán toàn bộ các báo cáo tài chính năm về việc sử dụng nguồn vốn trái phiếu quốc tế và gửi cho Bộ Tài chính chậm nhất là 15 ngày sau khi có biên bản kiểm toán.

Chương VI CÁC ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 36. Hướng dẫn thực hiện

Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2009.

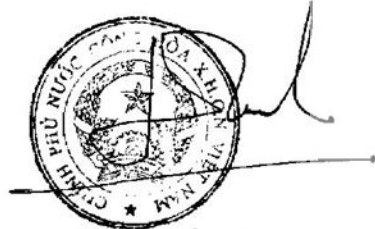
2. Những quy định trước đây trái với quy định của Nghị định này đều bị bãi bỏ.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTHH (5b).xii **290**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng